

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23/02/2024
V/v tranh chấp về Hôn nhân
và gia đình ly hôn, nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê P

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn H

2. Ông Lê Quang T

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Nam Quang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

T ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số 321/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2023, về việc “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2024, giữa :

- Nguyên đơn: Anh Phạm Hữu T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: T

Địa chỉ liên hệ: Số 21, C, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 173, tổ 4, ấp 2, xã T, thành phố C, tỉnh Đ.

(Anh T có mặt; Chị D vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Phạm Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D, kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh QN(theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 06/9/2012). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau này vợ chồng không đồng quan điểm T nhiều lĩnh vực dẫn đến tình trạng không hợp nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn không giải quyết được, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ D.

Về con chung: Anh T và chị D có 01 con chung tên Phạm Ngọc Ánh T, sinh ngày 10/10/2015, hiện con chung đang sống chung với chị D. Sau khi ly hôn, anh T đồng ý chị D tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Chị Nguyễn Thị Mỹ D*: Không có văn bản ý kiến nộp cho tòa án.

Tại phiên tòa, đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Do chị Nguyễn Thị Mỹ D vắng mặt lần thứ hai không lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Phạm Hữu T có đơn yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ D được quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố C, tỉnh Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đ.

[4] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hữu T và chị Nguyễn Thị Mỹ D kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh QN(*theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 06/9/2012*) là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu anh T và chị D chung sống hạnh phúc, do anh T và chị D không đồng quan điểm dẫn đến xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được, anh T và chị D đã ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay, thời gian ly thân có hàn gắn tình cảm nhưng không được, nay anh T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ D. Do anh T nộp đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải vụ án và chị D không có văn bản ý kiến về quan hệ hôn nhân nộp (gửi) cho Tòa án, do đó, áp dụng khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Hữu T ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ D.

Về con chung: Anh Phạm Hữu T và chị Nguyễn Thị Mỹ D có 01 con chung tên Phạm Ngọc Ánh T, sinh ngày 10/10/2015, con chung đang sống chung với chị D.

Anh T đồng ý chị D tiếp tục nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị Mỹ D không có văn bản ý kiến về con chung nộp (gửi) cho Tòa án. Xét thấy, anh Phạm Hữu T và chị Nguyễn Thị Mỹ D ly thân từ 10 năm 2020 cho đến nay, con chung sống chung với chị Nguyễn Thị Mỹ D đã ổn định. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, điều kiện phát triển về thể chất, tinh thần của con chung áp dụng Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh T về việc đồng ý chị Nguyễn Thị Mỹ D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Hữu T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị Mỹ D không có văn bản ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nộp (gửi) cho Tòa án do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện anh Phạm Hữu T trình bày về tài sản chung tự thỏa thuận. Tại phiên tòa, anh T trình bày về tài sản chung

không có, chị Nguyễn Thị Mỹ D không có văn bản ý kiến về tài sản chung nộp (gửi) cho Tòa án do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh Phạm Hữu T trình bày không có, chị Nguyễn Thị Mỹ D không có văn bản ý kiến về nợ chung nộp (gửi) cho Tòa án do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Hữu T pH chịu án phí sơ thẩm về Hôn nhân & gia đình ly hôn quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Nguyễn Thị Mỹ D không pH chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Hữu T ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ D.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Ngọc Ánh T, sinh ngày 10/10/2015, con chung đang sống chung với chị Nguyễn Thị Mỹ D. Chị Nguyễn Thị Mỹ D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Hữu T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị Mỹ D không có văn bản ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nộp (gửi) cho Tòa án do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản chung : Anh Phạm Hữu T trình bày về tài sản chung không có, chị Nguyễn Thị Mỹ D không có văn bản ý kiến về tài sản chung nộp (gửi) cho Tòa án do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Anh Phạm Hữu T trình bày không có, chị Nguyễn Thị Mỹ D không có văn bản ý kiến về nợ chung nộp (gửi) cho Tòa án do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Hữu T pH chịu án phí sơ thẩm về Hôn nhân & gia đình ly hôn số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Tiền án phí trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu lệ phí, án phí Tòa án số 000142, ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đ.

Chị Nguyễn Thị Mỹ D không pH chịu án phí sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án T hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án T hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

“Trưởng hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn H – Nguyễn Viết T

Lê P

Nơi nhận:

- Chi Cục THA DS TP C;
- Viện kiểm sát ND TP C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê P